

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:22/2008/NQ-HĐND

Đông Hà, ngày 12 tháng 12 năm 2008

**NGHỊ QUYẾT**

**Về Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2009  
và danh mục công trình trọng điểm của tỉnh sử dụng vốn ngân sách**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
KHÓA V, KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về Giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2009;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 3006/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2008. Báo cáo số 126/BC-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2008 của UBND tỉnh về Tình hình thực hiện kế hoạch xây dựng cơ bản năm 2008 và nhiệm vụ kế hoạch xây dựng cơ bản năm 2009 từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế-Ngân sách và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua kế hoạch phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2009 và danh mục các công trình trọng điểm của tỉnh với các nội dung chủ yếu sau:

**1.** Tổng vốn ngân sách đầu tư địa phương quản lý: 897.153 triệu đồng

Bao gồm:

1.1. Vốn cân đối ngân sách địa phương: 167.000 triệu đồng

Trong đó: - Vốn ngân sách cân đối: 107.000 triệu đồng

- Vốn đầu tư từ thu tiền sử dụng đất: 60.000 triệu đồng

1.2. Vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu: 411.782 triệu đồng

1.3. Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia: 133.371 triệu đồng

1.4. Vốn nước ngoài: 185.000 triệu đồng

**2.** Danh mục các chương trình, dự án đầu tư phát triển, vốn đầu tư phân bổ cho từng công trình, dự án và cân đối ngân sách cho các huyện, thị xã theo các biểu phụ lục đính kèm.

**3.** Các huyện, thị xã thực hiện phân bổ vốn theo đúng nguyên tắc cân đối chung của tỉnh với thứ tự ưu tiên: Bố trí vốn trả nợ khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành từ năm 2007 trở về trước; vốn đối ứng, vốn cho các công trình hoàn thành trong năm 2008; phần còn lại mới bố trí cho các công trình dở dang và các công trình khởi công mới; không bố trí danh mục dự án khởi công mới khi chưa tìm được nguồn vốn, khi chưa hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư.

**4.** Danh mục các công trình trọng điểm sử dụng vốn ngân sách:

- Cầu Cửa Việt;
- Quảng trường và Nhà Văn hóa trung tâm tỉnh;
- Kết cấu hạ tầng thị xã Đông Hà;
- Quy hoạch xây dựng cảng Mỹ Thủy và Khu Kinh tế biển Đông Nam Quảng Trị, sân bay lưỡng dụng.

**Điều 2.** Thông qua các giải pháp chủ yếu điều hành kế hoạch xây dựng cơ bản năm 2009 theo báo cáo của UBND tỉnh, báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế- Ngân sách; đồng thời nhấn mạnh một số vấn đề cơ bản sau đây:

**1.** Thực hiện đầu tư, bố trí vốn và quản lý đầu tư phải theo đúng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất tạo sự đồng bộ trong tổ chức thực hiện, khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

**2.** Các chủ đầu tư phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm trong quá trình thực hiện kế hoạch XD CB theo quy định của pháp luật, nhất là đối với tiến độ xây dựng, chất lượng, hiệu quả công trình và giải ngân vốn đầu tư. Những công trình đến hết ngày 30 tháng 9 giải ngân dưới 50% sẽ điều chuyển vốn cho công trình đã hoàn thành đang thiếu vốn; chủ đầu tư có hai năm liền giải ngân vốn dưới 50% thì chuyển cho Ban Quản lý khác thực hiện và thay thế người đứng đầu chủ đầu tư và Trưởng Ban Quản lý dự án. Không xem xét thi đua khen thưởng đối với các đơn vị chủ đầu tư và người đứng đầu đơn vị đó nếu có công trình giải ngân dưới 80% kế hoạch vốn đã bố trí.

**3.** Các Sở, Ban ngành được giao làm chủ đầu tư hoặc quản lý các chương trình, dự án phải thông báo danh mục dự án, vốn đầu tư các dự án đến địa phương nơi thực hiện dự án. UBND các huyện, thị xã phải chủ trì lồng ghép các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn để sử dụng vốn có hiệu quả, khắc phục tình trạng đầu tư chồng chéo, lãng phí vốn đầu tư.

Thực hiện phân cấp và giao trách nhiệm cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực tiếp làm chủ đầu tư quản lý và xây dựng các công trình trụ sở, mua sắm trang thiết bị hành chính, sự nghiệp theo quy định của pháp luật nhằm nâng cao chất lượng quản lý và sử dụng tài sản công.

**4.** Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện của các cơ quan thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở, thẩm định kết quả đấu thầu, quyết toán công trình, cấp phát vốn đầu tư, giải phóng mặt bằng... để đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

**5.** Đẩy mạnh giải ngân các nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn vốn trái phiếu Chính phủ theo hướng chủ động bố trí

vốn chuẩn bị đầu tư, vốn chuẩn bị thực hiện dự án để khi bố trí vốn là triển khai thi công được ngay.

**6.** Tăng cường vai trò của HĐND tỉnh đối với công tác giám sát dự án đầu tư. Phát huy vai trò của chính quyền cơ sở, của cộng đồng trong giám sát đầu tư, thực hiện nghiêm túc Quyết định 80/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Giám sát đầu tư cộng đồng. Gắn trách nhiệm của chính quyền cơ sở, của cộng đồng người hưởng lợi trong đầu tư, quản lý, sử dụng, bảo vệ và duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng phục vụ dân sinh đầu tư trên địa bàn. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát đầu tư.

**7.** Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư các lĩnh vực giáo dục- đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục- thể thao. Ban hành chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng trường học; bệnh viện; công trình văn hóa, thể thao; bảo tồn, tôn tạo các di tích văn hóa, lịch sử gắn với phát triển các điểm tham quan du lịch.

**Điều 3.** HĐND tỉnh giao UBND tỉnh quyết định phân bổ kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho từng chương trình, dự án và vốn đầu tư phát triển cho các huyện, thị xã.

**Điều 4.** Giao cho Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh tăng cường công tác giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2008 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Viết Nên**

**Biểu 1A:****BỔ TRÍ NGUỒN VỐN XDCB TẬP TRUNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG  
CÂN ĐỐI KẾ HOẠCH NĂM 2009***(Kèm theo Nghị quyết số 22/2008/NQ-HĐND ngày 12/12/2008 của HĐND tỉnh)*

<b>Tổng số:</b>	<b>167.000 triệu đồng</b>
- Ngân sách tỉnh:	107.000 triệu đồng
+ Nguồn cân đối ngân sách địa phương:	98.500 triệu đồng
+ Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung:	8.500 triệu đồng
- Nguồn thu từ quỹ đất:	60.000 triệu đồng
+ Trung ương giao:	50.000 triệu đồng
+ Địa phương bố trí tăng thêm:	10.000 triệu đồng
<b>Bố trí:</b>	<b>167.000 triệu đồng</b>
a) Nguồn vốn ngân sách cân đối:	107.000 triệu đồng
- Trả nợ Ngân hàng Phát triển (KCHKM, GTNT):	21.833 triệu đồng
- Nguồn vốn phân bổ:	85.167 triệu đồng
+ Vốn tỉnh quản lý:	49.154 triệu đồng
Phân bổ theo Nghị quyết HĐND tỉnh 60%:	51.100 triệu đồng
Trích bổ sung cho các huyện, thị xã:	-1.946 triệu đồng
+ Phân cấp huyện thị:	36.013 triệu đồng
Phân bổ theo Nghị quyết HĐND tỉnh 40%:	34.067 triệu đồng
Bổ sung từ nguồn vốn tỉnh quản lý:	1.946 triệu đồng
b) Nguồn thu từ quỹ đất:	60.000 triệu đồng
- Vốn tỉnh quản lý:	28.000 triệu đồng
- Phân cấp huyện thị:	32.000 triệu đồng

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2009	Ghi chú
	<b>TỔNG SỐ</b>		77.154	
<b>A</b>	<b>NGÂN SÁCH TẬP TRUNG</b>		49.154	
<b>I</b>	<b>CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>		2.500	
<b>II</b>	<b>CÔNG TRÌNH QUYẾT TOÁN</b>		3.000	
<b>III</b>	<b>NÔNG- LÂM- NGƯ NGHIỆP</b>		4.500	
	Dự án chuyển tiếp			
	- Hệ thống thủy lợi Sa Lung, huyện Vĩnh Linh	Sở NN- PTNT	2.500	Ngân sách TT 6.501
	- Dự án di dân ra khỏi hành lang bảo vệ công trình thủy lợi Trúc Kinh	UBND huyện Gio Linh	1.800	
	- Dự án Làng thanh niên lập nghiệp miền Tây Vĩnh Linh	Tỉnh đoàn	200	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 2.978
<b>IV</b>	<b>CÔNG NGHIỆP</b>		<b>2.500</b>	

	Dự án chuyển tiếp			
	- Nâng cấp và mở rộng lưới điện hạ thế của huyện Vĩnh Linh và huyện Cam Lộ	Sở Công thương	2.500	Ngân sách 6.408+ JBIC
<b>V</b>	<b>GAO THÔNG- VẬN TẢI</b>		9.000	
	Dự án hoàn thành			
	- Cầu Bến Sanh thuộc đường tỉnh 75 Đông.	Sở GT-VT	500	Trả nợ QT
	- Bến xe trung tâm TX Đông Hà	Sở GT-VT	2.000	Ngân sách 6.040
	- Hỗ trợ giải phóng mặt bằng QL 1A đoạn qua huyện Vĩnh Linh	UBND huyện Vĩnh Linh	1.000	Hỗ trợ huyện GPMB
	- Hỗ trợ đường vào Khu Tái định cư thôn Cu Vơ, xã Hướng Linh	UBND huyện Hướng Hóa	500	Hỗ trợ huyện Hướng Hóa
	Dự án chuyển tiếp			
	- Cầu Bắc Phước	Sở GT-VT	2.500	
	- Đường Trường Chinh- TX Đông Hà (Đoạn Lê Lợi- Hùng Vương)	BQL CSHT tỉnh	2.500	
<b>VI</b>	<b>CẤP NƯỚC- CÔNG CỘNG</b>		2.540	
	Dự án chuyển tiếp			
	- Cấp nước thị trấn Gio Linh	Cty TNHH một TV CN- XD Quảng Trị	1.540	Ngân sách 3.308
	- Cấp nước thị trấn Cửa Việt	Cty TNHH một TV CN- XD Quảng Trị	1.000	Ngân sách 5.345
<b>VII</b>	<b>Y TẾ</b>		500	
	Dự án chuyển tiếp			
	- Phòng chống bệnh truyền nhiễm tiểu vùng sông Mêkông	Sở Y Tế	500	+ADB
<b>VIII</b>	<b>VĂN HÓA- THÔNG TIN, THỂ DỤC- THỂ THAO</b>		3.000	
	Dự án chuyển tiếp			
	- Nhà Văn hóa thiếu nhi thị xã Quảng Trị	UBND TX Quảng Trị	2.000	Hỗ trợ thị xã Quảng Trị
	Dự án khởi công mới			
	- Nhà Thi đấu, tập luyện thể thao huyện Vĩnh Linh	UBND huyện Vĩnh Linh	1.000	Hỗ trợ kỷ niệm 55 năm Giải phóng
<b>IX</b>	<b>GIÁO DỤC- ĐÀO TẠO</b>		6.650	
a)	Dự án chuyển tiếp		2.650	
	- Nhà học lý thuyết- Trường CNKT và Nghiệp vụ giao thông vận tải	Trường CNKT và Nghiệp vụ GTVT	1.000	Ngân sách hỗ trợ 2.300
	- Giảng đường Trường trung học Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Trường trung học NN và PTNT	650	
	- Trung tâm Dạy nghề và hỗ trợ nông dân tỉnh	Hội Nông dân tỉnh	500	NS hỗ trợ 2.300
	- Nhà khảo thí thuộc Sở Giáo dục- Đào tạo	Sở GD-ĐT	500	
b)	Hỗ trợ đối ứng Chương trình kiên cố hóa		4.000	

	trường, lớp học			
	- Trường THPT Vĩnh Linh	Sở GD-ĐT	400	
	- Huyện Vĩnh Linh	UBND huyện Vĩnh Linh	500	
	- Huyện Gio Linh	UBND huyện Gio Linh	500	
	- Huyện Cam Lộ	UBND huyện Cam Lộ	400	
	- Huyện Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	600	
	- Huyện Hướng Hóa	UBND huyện Hướng Hóa	500	
	- Huyện Đakrông	UBND huyện Đakrông	300	
	- Huyện Hải Lăng	UBND huyện Hải Lăng	600	
	- Thị xã Quảng Trị	UBND TX Quảng Trị	200	
<b>X</b>	<b>KHOA HỌC CÔNG NGHỆ</b>		<b>600</b>	
	Dự án chuyển tiếp			
	- Trung tâm Kỹ thuật đo lường, thử nghiệm	Chi cục Đo lường chất lượng	600	Trả nợ hoàn thành
<b>XI</b>	<b>QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</b>		<b>12.364</b>	
	Dự án hoàn thành			
	- Trụ sở Sở Ngoại vụ	Sở Ngoại vụ	800	Trả nợ hoàn thành
	- Sửa chữa trụ sở UBND tỉnh	VP UBND tỉnh	700	Trả nợ hoàn thành
	- Cải tạo trụ sở Ban Dân tộc	Ban Dân tộc	180	Trả nợ hoàn thành
	- Trụ sở UBMTTQ Việt Nam tỉnh	UBMTTQ Việt Nam tỉnh	410	Trả nợ hoàn thành
	- Hỗ trợ trụ sở Huyện ủy Hải Lăng	VP huyện ủy Hải Lăng	500	Trả nợ hoàn thành
	Dự án chuyển tiếp			
	- Nhà làm việc, tập luyện và biểu diễn của Đoàn Nghệ thuật tổng hợp tỉnh (Giai đoạn 1)	Đoàn NTTH tỉnh	2.000	Đang điều chỉnh TMĐT
	- Trụ sở Sở Tài nguyên- Môi trường	Sở Tài nguyên- Môi trường	2.500	Đang điều chỉnh TMĐT
	- Nhà Lưu trữ Tỉnh ủy	VP tỉnh ủy	1.000	
	Dự án khởi công mới			
	- Trụ sở Sở Tài chính	Sở Tài chính	2.000	
	- Kinh phí đền bù mở rộng khuôn viên trụ sở Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh	VP Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh	2.274	
<b>XII</b>	<b>AN NINH - QUỐC PHÒNG</b>		<b>2.000</b>	
	Dự án chuyển tiếp			
	- Công trình CH5-01	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	2.000	

<b>B</b>	<b>VỐN GIAO TỪ NGUỒN THU TIỀN ĐÁU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT</b>		<b>28.000</b>	
<b>I</b>	<b>BAN QUẢN LÝ CÁC KHU DU LỊCH TỈNH</b>		<b>8.000</b>	
	Dự án hoàn thành		4.200	
	- Khu dân cư bãi tắm 2, khu Du lịch- Dịch vụ Cửa Việt	BQL các khu du lịch tỉnh	4.200	
	Dự án khởi công mới		3.800	
	- Hạ tầng kỹ thuật công viên, bãi tắm, Khu Dịch vụ- Du lịch Cửa Việt	BQL các khu du lịch tỉnh	3.000	
	- Hệ thống cấp nước khu bãi tắm 2, Khu Dịch vụ- Du lịch Cửa Việt	BQL các khu du lịch tỉnh	800	
<b>II</b>	<b>BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN CƠ SỞ HẠ TẦNG TỈNH</b>		<b>20.000</b>	
	Công trình chuyển tiếp		15.000	
	- Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu Đô thị Nam đường 9D, thị xã Đông Hà	BQL CSHT tỉnh	8.000	
	- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Đô thị Nam Đông Hà (GD1)	BQL CSHT tỉnh	1.000	HT
	- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Tái định cư cho các hộ bị di dời khi xây dựng các công trình trên địa bàn TX Đông Hà	BQL CSHT tỉnh	6.000	
	Dự án khởi công mới		5.000	
	- Nhà thi đấu đa năng tỉnh Quảng Trị	BQL CSHT tỉnh	5.000	

**Ghi chú:** Số dự án khởi công mới: 06 dự án/38 dự án, chiếm 15,8% tổng số dự án./.

**Biểu 1B:**

**BỘ TRÍ VỐN ĐẦU TƯ XDCB PHÂN CẤP HUYỆN,  
THỊ XÃ QUẢN LÝ KẾ HOẠCH NĂM 2009**

*(Kèm theo Nghị quyết số 22/2008/NQ-UBND  
ngày 12/12/2008 của HĐND tỉnh)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Huyện, thị xã	Tổng số	Trong đó	
			Vốn ngân sách tỉnh cân đối	Vốn từ thu tiền sử dụng đất
	<b>Tổng số</b>	<b>68.013</b>	<b>36.013</b>	<b>32.000</b>
1	Thị xã Đông Hà	14.720	6.220	8.500
2	Thị xã Quảng Trị	6.394	3.394	3.000
3	Huyện Hải Lăng	7.600	4.100	3.500
4	Huyện Triệu Phong	7.695	4.195	3.500
5	Huyện Gio Linh	6.700	3.700	3.000
6	Huyện Vĩnh Linh	8.100	4.100	4.000
7	Huyện Cam Lộ	6.500	3.500	3.000
8	Huyện Đakrông	3.200	3.200	0
9	Huyện Hướng Hóa	7.104	3.604	3.500
10	Huyện đảo Côn Cỏ	Bố trí từ nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu đầu tư huyện mới chia tách 12,5 tỷ đồng		

**Biểu 2:****BỘ TRÍ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH  
TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ KẾ HOẠCH NĂM 2009***(Kèm theo Nghị quyết số 22/2008/NQ-HĐND ngày 12/12/2008 của HĐND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2009	Ghi chú
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>596.782</b>	
<b>A</b>	<b>VỐN TRONG NƯỚC</b>		<b>411.782</b>	
<b>I</b>	<b>HẠ TẦNG CỬA KHẨU</b>		<b>40.000</b>	
	- Các DA thuộc BQL Khu KTTM đặc biệt Lao Bảo làm chủ đầu tư	BQL Khu KTTM đặc biệt Lao Bảo	27.000	
	- Các DA thuộc UBND huyện Hương Hóa làm chủ đầu tư	UBND huyện Hương Hóa	10.000	
	- Các DA thuộc các Sở, Ban, ngành làm chủ đầu tư	Các Sở, ban ngành	3.000	
<b>II</b>	<b>BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG</b>	<b>Chi cục Kiểm lâm</b>	<b>2.000</b>	
<b>III</b>	<b>HẠ TẦNG DU LỊCH</b>		<b>22.000</b>	
1	DA chuyển tiếp		7.900	
	- Cơ sở hạ tầng Khu Dịch vụ- Du lịch Cửa Việt (Gđ1)	BQL các khu du lịch	1.700	HT
	- Khu Du lịch sinh thái Rú Lịnh	UBND huyện Vĩnh Linh	1.000	
	- Đường Phú Lệ huyện Hải Lăng (Gđ1)	UBND huyện Hải Lăng	5.000	
	- Quy hoạch hồ Ái Tử +Bãi tắm Triệu Lăng	UBND huyện Triệu Phong	200	
2	DA khởi công mới		12.400	
a)	Khu Dịch vụ- Du lịch Cửa Việt (Gđ2)	BQL các Khu Du lịch	2.000	
	- Cơ sở hạ tầng sân lễ hội (San nền)	BQL các Khu Du lịch	2.000	
b)	Khu Dịch vụ- Du lịch Cửa Tùng	BQL các Khu Du lịch	10.400	
	- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật bãi tắm Khu Du lịch Cửa Tùng	BQL các Khu Du lịch	7.900	
	- Xây dựng tuyến đường điều chỉnh Khu Du lịch Cửa Tùng	BQL các Khu Du lịch	2.500	
3	Đổi ứng vốn ODA- phát triển du lịch bền vững tiêu vùng Mékông mở rộng		1.000	
	- Hợp phần phát triển du lịch cộng đồng	BQL các		

	gắn với XDGN	Khu Du lịch		
	- Hợp phần tạo điều kiện thuận lợi đi lại, thúc đẩy dòng du lịch	BQL các Khu Du lịch		
4	Chuẩn bị đầu tư và GPMB	BQL các Khu Du lịch	700	
<b>IV</b>	<b>ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH MỚI CHIA TÁCH</b>		<b>20.000</b>	
1	Huyện đảo Côn Cỏ		12.500	
a)	Trụ sở cơ quan quản lý hành chính nhà nước		5.400	
	DA chuyển tiếp			
	- Nhà ở cán bộ công nhân viên, nhà khách, nhà ăn và các hạng mục phụ trợ huyện đảo Côn Cỏ	UBND huyện đảo Côn Cỏ	1.000	HT
	- Nhà làm việc Đài Phát thanh- Truyền hình huyện đảo Côn Cỏ (Gồm cả sân đường nội bộ, hàng rào)	UBND huyện đảo Côn Cỏ	230	HT
	DA khởi công mới			
	- Trụ sở làm việc liên cơ quan huyện đảo Côn Cỏ	UBND huyện đảo Côn Cỏ	4.170	
b)	Hạ tầng đô thị và các công trình công cộng thiết yếu		7.100	
	DA chuyển tiếp			
	- Xây dựng hệ thống giao thông tuyến T2	UBND huyện đảo Côn Cỏ	300	HT
	- Cấp điện huyện đảo Côn Cỏ (Gđ1)	UBND huyện đảo Côn Cỏ	1.300	HT
	DA khởi công mới			
	- Xây dựng hệ thống giao thông tuyến T2 (Gđ2)	UBND huyện đảo Côn Cỏ	2.000	
	- Đường nội bộ khu dân cư số 1	UBND huyện đảo Côn Cỏ	1.500	
	- DA cấp nước tập trung	UBND huyện đảo Côn Cỏ	500	
	- Đường vào trụ sở chính (Tuyến N5)	UBND huyện đảo Côn Cỏ	1.500	
2	Cấp xã		7.500	
a)	Trụ sở cơ quan quản lý hành chính nhà nước		4.000	
	DA khởi công mới			
	- Trụ sở làm việc xã Triệu Thượng, Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	2.000	HT
	- Trụ sở làm việc phường 1, TX Quảng Trị	UBND TX Quảng Trị	2.000	HT, trụ sở cũ chuyển P3
b)	Hạ tầng đô thị và các công trình công cộng		3.500	

	thiết yếu			
	DA chuyển tiếp			
	- Đường trung tâm thị trấn Cửa Việt	UBND TT Cửa Việt	500	HT
	DA khởi công mới			
	- Trạm Y tế xã Triệu Thượng, Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	700	
	- Trạm Y tế phường 2, TX Quảng Trị	UBND TX Quảng Trị	800	Trạm cũ chuyển cho P3
	- Trường THCS xã Triệu Thượng, Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	1.500	
<b>V</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THỦY SẢN VÀ GIỐNG THỦY SẢN, CÂY TRỒNG VẬT NUÔI, CÂY LÂM NGHIỆP</b>		<b>15.000</b>	
1	Chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản và giống thủy sản	Sở NN- PTNT	10.000	
2	Chương trình giống cây trồng, vật nuôi	Trung tâm Giống cây trồng, vật nuôi	5.000	
<b>VI</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH BỐ TRÍ LẠI DÂN CƯ VÀ ĐỊNH CANH, ĐỊNH CƯ</b>		<b>12.000</b>	
1	Chương trình bố trí lại dân cư theo Quyết định 193		7.000	
	- DA mô hình bố trí lại dân cư vùng biên giới, khai thác vùng gò đồi xã A Dơi, huyện Hướng Hóa	Chi cục di dân phát triển vùng kinh tế mới	3.000	
	- DA bố trí, sắp xếp ổn định dân cư các xã biên giới Việt- Lào	Chi cục di dân phát triển vùng kinh tế mới	1.000	
	- Di dân ra đảo Cồn Cỏ	Chi cục di dân phát triển vùng kinh tế mới	1.000	
	- DA Tái định cư di dân vùng lũ 3 xã Triệu Thượng, Triệu Giang, Triệu Long, huyện Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	1.000	
	DA Tái định cư vùng đồi phía Tây Nam huyện Hải Lăng	UBND huyện Hải Lăng	1.000	
2	Các dự án định canh, định cư		5.000	
	- DA Định canh định cư tập trung vùng La Heng, thôn Cu Dong, xã Húc, huyện Hướng Hóa	Ban Dân tộc	1.000	
	- DA Định canh định cư tập trung vùng	Ban Dân tộc	1.000	

	KaLu, Chân Rò, xã Đakrông, huyện Đakrông			
	- DA Định canh định cư tập trung vùng sông Ngân, xã Linh Thượng, huyện Gio Linh	Ban Dân tộc	1.000	
	- DA Định canh định cư tập trung vùng PiRao, xã A Ngo, huyện Đakrông	UBND huyện Đakrông	1.000	
	- DA Định canh định cư tập trung vùng Cu Vơ, xã Hướng Linh, huyện Hướng Hóa	UBND huyện Hướng Hóa	1.000	
<b>VII</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH ĐÊ BIỂN, TRÁNH TRÚ BÃO</b>		<b>15.000</b>	
	- Nâng cấp đê tả Bến Hải	Sở NN-PTNT	9.000	
	- Nâng cấp đê Bắc Phước	Sở NN-PTNT	4.500	
	- Đê Tường Vân	Sở NN-PTNT	1.500	
<b>VIII</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ BIÊN GIỚI</b>		<b>9.000</b>	
	DA chuyển tiếp			
	- Nâng cấp mặt đường Lao Bảo- Hướng Phùng	Bộ Chỉ huy Biên phòng tỉnh	8.000	
	- Đường đến 3 cửa khẩu phụ Cheng, Tà Rung, Thanh	Sở GT - VT	1.000	Trả nợ HT
<b>IX</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH BIÊN ĐÔNG- HẢI ĐẢO</b>		<b>33.000</b>	Có QĐ của Thủ tướng Chính phủ giao cụ thể
<b>X</b>	<b>ĐẦU TƯ Y TẾ TỈNH, TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG HUYỆN</b>		<b>10.000</b>	
	DA chuyển tiếp			
	- Trả nợ KLHT các công trình đã quyết toán	Sở Y tế	135	
	- Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm- Mỹ phẩm	Sở Y tế	1.500	
	DA khởi công mới			
	- Trung tâm Y tế dự phòng Đông Hà	Sở Y tế	3.745	
	- Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS	Sở Y tế	1.570	
	- Mua sắm thiết bị Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	3.000	
	- Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	50	
<b>XI</b>	<b>HỖ TRỢ BẢO TỒN VĂN HÓA</b>		<b>25.000</b>	
	DA chuyển tiếp			
	- Di tích Thành Cổ Quảng Trị (Gđ2)	Sở Văn hóa- Thông tin và Du lịch	2.000	Chuẩn bị thực hiện DA
	- Quảng trường và Nhà Văn hóa trung tâm tỉnh	Sở Văn hóa- Thông tin và Du lịch	8.100	

	- Di tích Sân bay Tà Con (Gđ2)	TT Bảo Tồn Di tích- Danh thắng	12.000	
	- Di tích Nhà tưởng niệm Chủ tịch HCM tại thôn Hà Xá, Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	400	Hỗ trợ huyện, trả nợ HT
	- Di tích đình làng Câu Nhi, Hải Lăng	UBND huyện Hải Lăng	500	Ngân sách hỗ trợ
	- Di tích đình làng Hà Thượng, Gio Linh	UBND thị trấn Gio Linh	1.000	HT, NS hỗ trợ 1.000
	- Đường vào Di tích đình làng Hà Thượng	UBND huyện Gio Linh	1.000	Hỗ trợ Kỷ niệm 35 năm giải phóng
<b>XII</b>	<b>HỖ TRỢ ĐẦU TƯ TRỤ SỞ XÃ</b>		<b>4.000</b>	<b>Hỗ trợ huyện</b>
	- Trả nợ KLHT trụ sở xã Triệu Lăng, Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	500	Trả nợ HT
	- Xây mới trụ sở xã Cam Thanh, huyện Cam Lộ	UBND huyện Cam Lộ	1.000	
	- Xây mới trụ sở phường 4, TX Đông Hà	UBND TX Đông Hà	1.000	
	- Nâng cấp, mở rộng trụ sở xã Hải Ba, huyện Hải Lăng	UBND huyện Hải Lăng	750	
	- Nâng cấp, mở rộng trụ sở TT Bến Quan, huyện Vĩnh Linh	UBND huyện Vĩnh Linh	750	
<b>XIII</b>	<b>ĐẦU TƯ THEO QUYẾT ĐỊNH 160</b>		<b>8.000</b>	
1	Huyện Hướng Hóa: 11 xã		5.500	
	- Các xã: Hướng Phùng, Hướng Việt, Hướng Lập, Xy, A Dơi, Pa Tầng, Thanh, Thuận	UBND huyện Hướng Hóa	4.000	
	- Các xã: Tân Thành, Tân Long, TT Lao Bảo	Ban Dân tộc	1.500	
2	Huyện Đakrông: 5 xã		2.500	
	- Các xã: A Bung, Tà Long, A Vao, Ba Nang	UBND huyện Đakrông	2.000	
	- Xã A Ngo	Ban Dân tộc	500	
<b>XIV</b>	<b>ĐẦU TƯ THEO NGHỊ QUYẾT 39 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ</b>		<b>50.000</b>	
1	Ưu đãi đầu tư		3.000	
2	CSHT đô thị TX Đông Hà		22.000	
	- Các dự án hạ tầng đô thị	UBND TX Đông Hà	14.000	
	+ Dự án chuyển tiếp		9.400	
	+ Dự án khởi công mới		4.600	
	- Cải thiện môi trường đô thị miền Trung (Đối ứng)	UBND TX Đông Hà	8.000	+ADB
3	Hạ tầng làng nghề		3.500	

	- Dự án chuyển tiếp			
	+ CSHT làng nghề thị trấn Ái Tử	UBND huyện Triệu Phong	1.300	
	+ CSHT làng nghề Tân Định	UBND huyện Cam Lộ	1.000	
	- Dự án hoàn thành			
	+ CSHT làng nghề Diên Sanh	UBND huyện Hải Lăng	1.000	HT
	- Chuẩn bị thực hiện dự án CSHT làng nghề Bắc Hồ Xá	UBND huyện Vĩnh Linh	200	
4	Hạ tầng chợ		3.000	
	Dự án hoàn thành			
	- Chợ phiên Cam Lộ	UBND huyện Cam Lộ	1.000	HT
	- Chợ Do Vĩnh Linh	UBND huyện Vĩnh Linh	1.500	HT
	Dự án khởi công mới			
	- Chợ Trung tâm huyện Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	500	
5	Nông nghiệp		6.500	
	- Đối ứng DA khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai năm 2005	Sở NN-PTNT	3.500	Trả nợ ứng trước từ chương trình đề biển năm 2008
	-DA Quy hoạch và đầu tư xây dựng Khu Tái định cư di dân vùng lũ Hải Lăng	UBND huyện Hải Lăng	3.000	Ngân sách TW 23.730 triệu đồng
6	Giao thông		2.700	
	- Cầu trần Ba Lòng	Sở GT-VT	1.365	Trả nợ HT
	- Đường Lý Thường Kiệt (Đoạn Hàm Nghi- Nguyễn Du)	Sở GT-VT	1.335	Trả nợ HT
7	Y tế (Hỗ trợ thực hiện NQ 2d-HĐND tỉnh)		1.000	
	Dự án khởi công mới			
	- Trạm Y tế xã Hải Khê, huyện Hải Lăng	UBND huyện Hải Lăng	400	
	- Trạm Y tế xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh	UBND huyện Vĩnh Linh	300	
	- Trạm Y tế thị trấn Cam Lộ	UBND huyện Cam Lộ	300	
8	Văn hóa- Thông tin- TDTT		3.300	
	Dự án chuyển tiếp			
	- Hỗ trợ thiết bị TTVH thanh thiếu nhi Cửa Việt	TT văn hóa TTN Cửa Việt	200	
	- SVĐ Đông Hà giai đoạn 2	Sở VHTTDL	2.300	
	- Quy hoạch đầu tư và xây dựng Trung	UBND huyện	800	Hỗ trợ Kỷ niệm

	tâm TDTT huyện Gio Linh	Gio Linh		35 năm giải phóng, HT
9	An ninh- quốc phòng		5.000	
	Dự án chuyển tiếp			
	- Nâng cấp trường Quân sự tỉnh	Bộ CHQS tỉnh	400	Trả nợ HT
	- Nhà ở cán bộ cơ quan Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Bộ CHQS tỉnh	4.600	
<b>XV</b>	<b>HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP</b>		<b>14.000</b>	
	Dự án chuyển tiếp			
	- Khu Công nghiệp Nam Đông Hà	BQL các Khu Công nghiệp	9.000	
	- Khu Công nghiệp Quán Ngang	BQL các Khu Công nghiệp	5.000	HT đường trung tâm
<b>XVI</b>	<b>ĐỐI ỨNG ODA</b>		<b>37.000</b>	
1	Dự án chuyển tiếp		21.000	
	- Chương trình PTNT Quảng Trị giai đoạn 3	BĐH DA PTNT Quảng Trị	3.000	+ Phần Lan
	- Dự án Chia Sẻ	BTK tỉnh, huyện Vĩnh Linh, Gio Linh	3.000	+ Thụy Điển
	- Giảm nghèo miền Trung	BQL DA giảm nghèo Quảng Trị	11.000	+ADB
	- Cấp nước thị trấn Cam Lộ	Cty TNHH MTV CN-XD Quảng Trị	1.800	Trả nợ, ngân sách 7.340
	- Cấp nước thị trấn Bến Quan	Cty TNHH MTV CN-XD Quảng Trị	1.100	Trả nợ, ngân sách 4.783
	- Đường Hồ Xá- Vĩnh Tú- Vĩnh Thái	Sở GT-VT	1.100	HT ngân sách: 3.400
2	Đối ứng các dự án do Sở NN-PTNT làm chủ đầu tư		16.000	
	- Hệ thống thủy lợi Nam Thạch Hãn	Sở NN-PTNT	3.000	+ ADB
	- Dự án khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai năm 2005 tỉnh Quảng Trị	Sở NN-PTNT	1.500	+ ADB
	- Phát triển nông thôn tổng hợp Quảng Trị	Sở NN-PTNT	1.000	+ ADB
	- Nâng cấp hồ Hà Thượng	Sở NN-PTNT	1.000	WB
	- Chống lũ cho vùng trũng Hải Lăng	Sở NN-PTNT	8.000	+ WB
	- Nâng cấp hồ Thác Heo	Sở NN-PTNT	1.500	Trả nợ, ngân sách 2.689 triệu đồng
<b>XVII</b>	<b>TRUNG TÂM CỤM XÃ</b>		<b>3.000</b>	
	- Trung tâm cụm xã Đakrông- Ba Nang, huyện Đakrông	UBND huyện Đakrông	2.000	
	- Trung tâm cụm xã Hướng Phùng, huyện	UBND huyện	1.000	

	Hướng Hóa	Hướng Hóa		
<b>XVIII</b>	<b>ĐỀ ÁN TIN HỌC HÓA CÁC CƠ QUAN</b>	VP tỉnh ủy	<b>2.782</b>	
<b>XIX</b>	<b>HỖ TRỢ KHÁC</b>		<b>90.000</b>	
1	Dự án chuyển tiếp		62.000	
	- Cầu Cửa Việt	Sở GT-VT	50.000	
	- Rà phá bom mìn tỉnh Quảng Trị (Đợt 1)	Bộ CHQS tỉnh	12.000	
2	Các công trình kỷ niệm 100 năm ngày sinh Tổng Bí thư Lê Duẩn		28.000	
	- Quảng trường và Nhà Văn hóa trung tâm tỉnh	Sở VH-TDL	24.500	
	- TT Văn hóa- Thể dục thể thao huyện Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	400	Trả nợ HT
	- Đường nối TL68 vào xã Triệu Đông	UBND huyện Triệu Phong	1.300	Trả nợ HT
	- Đường nối TL64 vào xã Triệu Đông	Sở GT-VT	1.300	Trả nợ quyết toán
	- Trung tâm Dịch vụ- Hội nghị tỉnh	VP UBND tỉnh	500	Trả nợ HT
<b>B</b>	<b>VỐN NƯỚC NGOÀI</b>		<b>185.000</b>	
1	Cải thiện môi trường đô thị miền Trung (Đông Hà)	UBND TX Đông Hà	39.340	+ADB
2	Giảm nghèo miền Trung	BQL DA giảm nghèo Quảng Trị	24.290	+ADB
3	Chương trình PTNT Quảng Trị giai đoạn 3	BĐHDA PTNT Quảng Trị	13.960	+Phần Lan
4	Dự án Chia Sẻ	Ban Thư ký tỉnh	15.180	+Thụy Điển
5	Hệ thống thủy lợi Nam Thạch Hãn	Sở NN-PTNT	30.420	+ADB
6	Chống lũ cho vùng trũng Hải Lăng	Sở NN-PTNT	12.140	+WB
7	Phát triển nông thôn tổng hợp Quảng Trị	Sở NN-PTNT	16.990	+ADB
8	Dự án khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai	Sở NN-PTNT	22.560	+ADB
9	Nâng cấp hồ Hà Thượng	Sở NN-PTNT	7.420	+WB
10	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm tiêu vùng sông Mêkông	Sở Y tế	2.700	+ADB

**BỘ TRÍ KẾ HOẠCH NĂM 2009**  
**NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA,**  
**CHƯƠNG TRÌNH 135, CHƯƠNG TRÌNH 5 TRIỆU HA RỪNG**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 22/2009/NQ-HĐND ngày 12/12/2008 của HĐND tỉnh)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Tên chương trình mục tiêu	Chủ đầu tư	KH năm 2009			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				ĐTPT	SN	
	<b>Tổng số</b>		<b>133.371</b>	<b>55.935</b>	<b>77.436</b>	
<b>A</b>	<b>CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG</b>		<b>93.415</b>	<b>23.000</b>	<b>70.415</b>	
<b>I</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO</b>		<b>12.282</b>	<b>9.600</b>	<b>2.682</b>	
1	DA hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu các xã ĐBKK, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo		9.600	9.600		
	+ Huyện Hải Lăng (2 xã: Hải An, Hải Khê)	UBND huyện Hải Lăng	1.600	1.600		
	+ Huyện Triệu Phong (3 xã: Triệu An, Triệu Vân và Triệu Lăng)	UBND huyện Triệu Phong	2.400	2.400	0	
	+ Huyện Vĩnh Linh (4 xã: Vĩnh Thái, Vĩnh Kim, Vĩnh Thạch, Vĩnh Quang)	UBND huyện Vĩnh Linh	3.200	3.200	0	
	+ Huyện Gio Linh (3 xã: Trung Giang, Gio Hải, Gio Việt)	UBND huyện Gio Linh	2.400	2.400	0	
2	Dự án KN-KL-KN và phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề		1.200		1.200	
	+ Khuyến nông khuyến lâm	TTKN-KL tỉnh	300		300	
	+ Hỗ trợ phát triển SX và ngành nghề	Sở NN-PTNT	800		800	
	+ Hỗ trợ huyện đảo Cồn Cỏ	UBND huyện đảo Cồn Cỏ	100		100	
3	Dự án dạy nghề cho người nghèo	Sở LĐ-TB&XH	670		670	
4	Dự án nâng cao năng lực giảm nghèo	Sở LĐ-TB&XH	265		265	
5	Trợ giúp pháp lý	TT Trợ giúp pháp lý nhà nước	230		230	
6	Hoạt động giám sát đánh giá	BCĐ giảm nghèo tỉnh, huyện	317		317	
<b>II</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH MTQG VIỆC LÀM</b>		<b>2.330</b>	<b>2.000</b>	<b>330</b>	

1	DA Hỗ trợ phát triển thị trường lao động		2.200	2.000	200	
	+ Xây dựng Sàn Giao dịch việc làm và Trung tâm Bồi dưỡng kỹ năng tìm kiếm việc làm	TT Giới thiệu việc làm	2.000	2.000	0	
	+ Đào tạo nguồn nhân lực lao động	TT Giới thiệu việc làm	200	200		
2	Hoạt động nâng cao năng lực quản lý lao động việc làm	Sở LĐ-TB&XH	40		40	
3	Hoạt động giám sát đánh giá	BCĐ việc làm tỉnh	90	0	90	
<b>III</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG CHỐNG MA TÚY</b>	Công an tỉnh	<b>1.000</b>	<b>0</b>	<b>1.000</b>	
<b>IV</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM</b>	Công an tỉnh	<b>670</b>	<b>0</b>	<b>670</b>	
<b>V</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH DÂN SỐ-KHHGD</b>		<b>6.444</b>	<b>0</b>	<b>6.444</b>	
1	DA Truyền thông- Giáo dục thay đổi hành vi	Chi cục DS và KHHGD	1.325		1.325	
2	DA nâng cao chất lượng dịch vụ KHH gia đình	Chi cục DS và KHHGD	707		707	
3	DA đảm bảo hậu cần và đẩy mạnh tiếp thị xã hội các phương tiện tránh thai	Chi cục DS và KHHGD	196		196	
4	DA nâng cao năng lực quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện chương trình	Chi cục DS và KHHGD	1.703		1.703	
5	DA nâng cao chất lượng thông tin chuyên ngành Dân số và KHH-GD	Chi cục DS và KHHGD	485		485	
6	DA thử nghiệm, mở rộng một số mô hình, giải pháp can thiệp, góp phần nâng cao chất lượng dân số	Chi cục DS và KHHGD	485		485	
7	Đề án Kiểm soát dân số các vùng biển đảo, đảo và ven biển	Chi cục DS và KHHGD	1.543		1.543	
<b>VI</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG CHỐNG MỘT SỐ BỆNH XÃ HỘI, BỆNH DỊCH NGUY HIỂM VÀ HIV/AIDS</b>		<b>4.776</b>	<b>1.000</b>	<b>3.776</b>	
	Hoạt động sự nghiệp		3.776		3.776	
1	DA Phòng, chống lao	Sở Y tế	23		23	
2	DA Phòng, chống phong	Sở Y tế	147		147	
3	DA Phòng, chống sốt rét	Sở Y tế	651		651	
4	DA Phòng, chống HIV/AIDS	Sở Y tế	872		872	
5	DA Phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em	Sở Y tế	1.146		1.146	

6	DA bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng	Sở Y tế	570		570	
7	DA tiêm chủng mở rộng	Sở Y tế	280		280	
8	Quân dân y kết hợp	Sở Y tế	87		87	
	Đầu tư phát triển		1.000	1.000	0	
1	Xây dựng Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS	Sở Y tế	1.000	1.000		
<b>VII</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH VĂN HÓA</b>		<b>5.100</b>	<b>3.600</b>	<b>1.500</b>	
1	DA chống xuống cấp và tôn tạo các di tích lịch sử		3.600	3.000	600	
	+ Cầu treo Bến Tắt	TT Bảo tồn DT&DT tỉnh	3.000	3.000		
	+ Đình làng Câu Nhi	UBND huyện Hải Lăng	600		600	
2	DA xây dựng xã điển hình triển khai hiệu quả phòng trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa	Sở VH-TT&DL	340		340	
3	DA tăng cường đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa thông tin cơ sở vùng sâu, vùng xa	Sở VH-TT&DL	200		200	
4	DA làng, bản, buôn có hoàn cảnh đặc biệt	Sở VH-TT&DL	610	600	10	
5	DA củng cố và phát triển hệ thống thư viện công cộng	Sở VH-TT&DL	140		140	
6	DA cấp các trang thiết bị và sản phẩm VH-TT cho đồng bào dân tộc thiểu số, tuyến biên giới và hải đảo	Sở VH-TT&DL	150		150	
7	DA nâng cao năng lực phổ biến phim, đào tạo nâng cao trình độ sử dụng công nghệ hiện đại trong sản phẩm và phổ biến phim ở vùng sâu, vùng xa	TT Phát hành phim và chiếu bóng Quảng Trị	60		60	
<b>VIII</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM</b>	Sở Y tế	<b>943</b>		<b>943</b>	
1	DA nâng cao quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm	Sở Y tế	269		269	
2	DA thông tin giáo dục truyền thông bảo đảm chất lượng VS-VT thực phẩm	Sở Y tế	180		180	
3	DA tăng cường năng lực kiểm nghiệm chất lượng VS-VT; xây dựng hệ thống giám sát ngộ độc	Sở Y tế	174		174	

	thực phẩm, các bệnh truyền qua đường thực phẩm					
4	Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm thức ăn đường phố	Sở Y tế	130		130	
5	Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất, sơ chế bảo quản, chế biến nông sản thực phẩm	Sở Y tế	90		90	
6	Đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn môi trường và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ nuôi trồng	Sở Y tế	100		100	
<b>IX</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC SINH HOẠT VÀ VSMTNT</b>	TT Nước SH và VSMTNT	7.200	6.800	400	
1	Huyện Triệu Phong		100	100		
	+ Hệ thống xử lý nước Tường Vân, xã Triệu An	TT Nước SH và VSMTNT	100	100		HT
2	Huyện Hải Lăng		2.000	2.000		
	+ Hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Văn Vận, xã Hải Quy	TT Nước SH và VSMTNT	1.500	1.500		HT
	+ Hệ thống cấp nước Hà Lỗ, xã Hải Tân	TT Nước SH và VSMTNT	500	500		Xây mới
3	Huyện Vĩnh Linh		589,720	589,720		
	+ Hệ thống cấp nước sinh hoạt Tân Hòa, Tân Bình, xã Vĩnh Hiền	TT Nước SH và VSMTNT	55,720	55,720		Trả nợ
	+ Hệ thống cấp nước sinh hoạt tây thôn Sa Nam, xã Vĩnh Long	TT Nước SH&VSMTNT	500	500		Xây mới
	+ Hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Hiền Lương, xã Vĩnh Thành	TT Nước SH và VSMTNT	34	34		HT
4	Huyện Gio Linh		3.003,353	3.003,353		
	+ Hệ thống cấp nước sinh hoạt An Khê, xã Gio Sơn	TT Nước SH và VSMTNT	33,353	33,353		Trả nợ
	+ Xử lý đường điện, giếng khoan hệ thống nước Trung An, Phú Ân, xã Hải Thái	TT Nước SH và VSMTNT	120	120		HT
	+ Hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Xuân Hòa, Hải Chử, xã Trung Hải	TT Nước SH và VSMTNT	2.350	2.350		HT
	+ Hệ thống cấp nước sinh hoạt Võ Xá, xã Trung Sơn	TT Nước SH và VSMTNT	500	500		Xây mới
5	Huyện Cam Lộ		950	950		
	+ Hệ thống cấp nước sinh hoạt Tân Xuân, Thiện Chánh xã Cam Thủy	TT Nước SH và VSMTNT	950	950		HT

6	Chuẩn bị đầu tư	TT Nước SH&VSMTNT	126,927	126,927		
7	Hỗ trợ giếng khoan Hội Người mù	TT Nước SH&VSMTNT	30	30		
8	Các mô hình hồ xí hợp vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh và truyền thông, tập huấn sử dụng CT nước	TT Nước SH&VSMTNT	400		400	
<b>X</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC- ĐÀO TẠO</b>		<b>52.670</b>		<b>52.670</b>	
1	DA củng cố phổ cập Tiểu học và thực hiện phổ cập THCS	Sở GD-ĐT	2.500		2.500	
2	DA đổi mới chương trình, nội dung sách giáo khoa	Sở GD-ĐT	3.100		3.100	
3	DA đào tạo cán bộ Tin học và đưa Tin học vào nhà trường	Sở GD-ĐT	3.500		3.500	
4	DA đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, tăng cường cơ sở vật chất các trường sư phạm	Sở GD-ĐT	6.000		6.000	
4.1	Công trình chuyển tiếp		300		300	HT
-	Thư viện trường Cao đẳng sư phạm Quảng Trị	Trường CĐSP QTrị	300		300	
4.2	Công trình khởi công mới		5.700		5.700	
-	Giảng đường đa năng trường CĐSP Quảng Trị	Trường CĐSP QTrị	5.000		5.000	
-	Bồi dưỡng giáo viên trường CĐSP	Trường CĐSP QTrị	200		200	
-	Bồi dưỡng giáo viên	Sở GD-ĐT	500		500	
5	DA hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc ít người và vùng có nhiều khó khăn		15.000		15.000	
5.1	Các công trình chuyển tiếp		8.950		8.950	
-	Nhà Hiệu bộ và Nhà học thực hành trường PT DTNT tỉnh	Sở GD-ĐT	300		300	HT
-	Nhà học thực hành trường PT DTNT Hướng Hóa	Sở GD-ĐT	500		500	HT
-	Nhà học thực hành trường PT DTNT Đakrông	Sở GD-ĐT	500		500	HT
-	Trường THPT Hướng Phùng, Hướng Hóa	Sở GD-ĐT	800		800	HT
-	Trường THPT Tà Rụt, Đakrông	Sở GD-ĐT	2.700		2.700	HT
-	Trường THPT A Túc, Hướng Hóa	Sở GD-ĐT	2.750		2.750	HT
-	Trường THPT Triệu Phong	Trường THPT Triệu Phong	400		400	Hỗ trợ trả nợ
-	Trường THPT Lê Thế Hiếu, Cam	Trường THPT Lê	300		300	Hỗ trợ

	Lộ	Thế Hiệu				
-	Thiết bị và hỗ trợ học phẩm cho học sinh miền núi	Sở GD-ĐT	700		700	
5.2	Hỗ trợ đối ứng KCH trường, lớp học, nhà công vụ giáo viên		6.050		6.050	
-	Huyện Hướng Hóa	UBND huyện Hướng Hóa	1.000		1.000	
-	Huyện Đakrông	UBND huyện Đakrông	1.000		1.000	
-	Huyện Vĩnh Linh	UBND huyện Vĩnh Linh	900		900	
-	Huyện Gio Linh	UBND huyện Gio Linh	900		900	
-	Huyện Cam Lộ	UBND huyện Cam Lộ	600		600	
-	Khối trực thuộc Sở GD-ĐT	Sở GD-ĐT	1.400		1.400	
-	Chuẩn bị lập dự án (Chuẩn bị đầu tư)		250		250	
6	DA Tăng cường CSVC các trường học, xây dựng một số trường trọng điểm	Sở GD-ĐT	11.000		11.000	
6.1	Các công trình chuyển tiếp		4.300		4.300	
-	Trường THPT Vĩnh Linh	Sở GD-ĐT	1.000		1.000	
-	Trường THPT Gio Linh	Sở GD-ĐT	650		650	HT
-	Nhà học 02 tầng Trung tâm KTTH-HN Triệu Phong	Sở GD-ĐT	900		900	HT
-	Nhà học 02 tầng Trung tâm KTTH-HN Sông Hiếu	Sở GD-ĐT	250		250	HT
-	Trung tâm KTTH-HN thị xã Quảng Trị	Sở GD-ĐT	500		500	
-	Trung tâm KTTH-HN Vĩnh Linh	Sở GD-ĐT	700		700	
-	Trả nợ các công trình đã quyết toán	Sở GD-ĐT	300		300	
6.2	Các công trình xây dựng mới		3.500		3.500	
-	Trung tâm Giáo dục thường xuyên thị xã Quảng Trị	Sở GD-ĐT	2.000		2.000	
-	Trường PTTH Chế Lan Viên Đông Hà	Sở GD-ĐT	1.000		1.000	
-	Trường PTTH Phan Chu Trinh	Trường Phan Chu Trinh	500		500	Hỗ trợ
6.3	Hỗ trợ đối ứng KCH trường, lớp học, nhà công vụ giáo viên		2.000		2.000	
-	Huyện Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	900		900	

-	Huyện Hải Lăng	UBND huyện Hải Lăng	900		900	
-	Thị xã Quảng Trị	UBND TX Quảng Trị	200		200	
6.4	Hỗ trợ các huyện, thị xã		1.200		1.200	
-	Trường THCS Hải Ba, Hải Lăng	Phòng GD-ĐT huyện Hải Lăng	500		500	HT
-	Trường Tiểu học Bắc Phước, Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	700		700	
7	Dự án tăng cường năng lực đào tạo nghề		11.570		11.570	
7.1	Năng lực đào tạo nghề		9.270		9.270	Theo TB của Bộ LĐ-TB & XH
-	Giám sát, đánh giá dự án	Sở LĐ- TB & XH	70		70	
-	Trường Trung cấp nghề tổng hợp Quảng Trị	Trường Trung cấp nghề Tổng hợp Quảng Trị	3.300		3.300	
-	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp Hải Lăng	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp Hải Lăng	900		900	
-	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp Vĩnh Linh	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp Vĩnh Linh	900		900	
-	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp Cam Lộ	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp Cam Lộ	1.600		1.600	
-	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp Triệu Phong	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp Triệu Phong	900		900	
-	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp Gio Linh	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp Gio Linh	1.600		1.600	
7.2	Hỗ trợ dạy nghề cho lao động nông thôn, người dân tộc thiểu số, người tàn tật	Các Trung tâm KTTH-HN dạy nghề	2.300		2.300	
+	Trường Trung cấp nghề tổng hợp Quảng Trị	Trường Trung cấp nghề Tổng hợp Quảng Trị	200		200	
+	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp Hải Lăng	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp Hải Lăng	200		200	
+	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp Vĩnh Linh	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp Vĩnh Linh	250		250	

+	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp Triệu Phong	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp Triệu Phong	250		250	
+	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp Cam Lộ	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp Cam Lộ	200		200	
+	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp Gio Linh	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp Gio Linh	200		200	
+	Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp Hướng nghiệp Hải Lăng	Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp Hướng nghiệp Hải Lăng	250		250	
+	Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp Hướng nghiệp Vĩnh Linh	Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp Hướng nghiệp Vĩnh Linh	200		200	
+	Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp Hướng nghiệp Ngô Tuần Hường Hóa	Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp Hướng nghiệp Ngô Tuần Hường Hóa	200		200	
+	Trường Trung học Nông nghiệp & PTNT	Trường Trung học Nông nghiệp & PTNT	100		100	
+	Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân	Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân	250		250	
<b>B</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH 135</b>		<b>24.671</b>	<b>17.650</b>	<b>7.021</b>	
1	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng		17.650	17.650		
-	Huyện Gio Linh (02 thôn)	UBND huyện Gio Linh	300	300	0	
-	Huyện Vĩnh Linh (01 xã, 02 thôn)	UBND huyện Vĩnh Linh	1.100	1.100	0	
-	Huyện Hướng Hóa (11 xã, 05 thôn)	UBND huyện Hướng Hóa	9.550	9.550	0	
-	Huyện Đakrông (08 xã, 01 thôn)	UBND huyện Đakrông	6.550	6.550	0	
-	Huyện Cam Lộ (01 thôn)	UBND huyện Cam Lộ	150	150	0	
2	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế		4.330		4.330	
-	Huyện Gio Linh (02 thôn)	UBND huyện Gio Linh	60		60	
-	Huyện Vĩnh Linh (01 xã, 02 thôn)	UBND huyện Vĩnh Linh	260		260	

-	Huyện Hướng Hóa (11 xã, 05 thôn)	UBND huyện Hướng Hóa	2.350		2.350	
-	Huyện Đakrông (08 xã, 02 thôn)	UBND huyện Đakrông	1.630		1.630	
-	Huyện Cam Lộ (01 thôn)	UBND huyện Cam Lộ	30		30	
3	Dự án đào tạo, nâng cao chất lượng cán bộ xã, thôn, bản và cộng đồng	Ban Dân tộc	1.365		1.365	
4	Chính sách hỗ trợ các dịch vụ cải thiện và trợ giúp pháp lý	UBND các huyện	91		91	
5	Duy tu, bảo dưỡng		1.112		1.112	
-	Huyện Hướng Hóa	UBND huyện Hướng Hóa	535		535	
-	Huyện Đakrông	UBND huyện Đakrông	413		413	
-	Huyện Vĩnh Linh	UBND huyện Vĩnh Linh	82		82	
-	Huyện Gio Linh	UBND huyện Gio Linh	82		82	
6	Hỗ trợ kinh phí Ban Chỉ đạo Chương trình 135	Ban Chỉ đạo tỉnh	123		123	
<b>C</b>	<b>TRỒNG MỚI 5 TRIỆU HA RỪNG</b>		<b>15.285</b>	<b>15.285</b>		
1	Trồng mới 5 triệu ha rừng Lâm trường Bến Hải	Ban QLDA 661 Lâm trường Bến Hải	69		69	
2	Trồng mới 5 triệu ha rừng Lâm trường Đường 9	Ban QLDA 661 Lâm trường Đường 9	386		386	
3	Trồng mới 5 triệu ha rừng Hướng Hóa- Đakrông	Ban QLDA 661 Hướng Hóa- Đakrông	1.495		1.495	
4	Trồng mới 5 triệu ha rừng huyện Triệu Phong	Ban QLDA 661 huyện Triệu Phong	888		888	
5	Trồng mới 5 triệu ha rừng huyện Hải Lăng	Ban QLDA 661 huyện Hải Lăng	1.119		1.119	
6	Trồng mới 5 triệu ha rừng Nam Bến Hải, huyện Gio Linh	Ban QLDA 661 huyện Gio Linh	839		839	
7	Trồng mới 5 triệu ha rừng Khu Bảo tồn thiên nhiên Đakrông	Ban QLDA 661 Khu Bảo tồn thiên nhiên Đakrông	672		672	
8	Trồng mới 5 triệu ha rừng lưu vực sông Thạch Hãn	Ban QLDA 661 lưu vực sông Thạch Hãn	980		980	

9	Trồng mới 5 triệu ha rừng lưu vực sông Bến Hải	Ban QLDA 661 lưu vực sông Bến Hải	4.096	4.096		
10	Hỗ trợ trồng rừng sản xuất huyện Vĩnh Linh	Ban QLDA hỗ trợ trồng rừng sản xuất Vĩnh Linh	580	580		
11	Hỗ trợ trồng rừng sản xuất huyện Cam Lộ	Ban QLDA hỗ trợ trồng rừng sản xuất Cam Lộ	521	521		
12	Hỗ trợ trồng rừng sản xuất huyện Hướng Hóa	Ban QLDA hỗ trợ trồng rừng sản xuất Hướng Hóa	846	846		
13	Hỗ trợ trồng rừng sản xuất huyện Đakrông	Ban QLDA hỗ trợ trồng rừng sản xuất Đakrông	947	947		
14	Hỗ trợ trồng rừng sản xuất TX Đông Hà	Ban QLDA hỗ trợ trồng rừng sản xuất TX Đông Hà	207	207		
15	Trồng mới 5 triệu ha rừng khu vực biên giới huyện Đakrông	Ban QLDA 661 khu vực biên giới huyện Đakrông	1.498	1.498		
16	Quản lý phí Ban Quản lý dự án tỉnh	Ban QLDA 661 tỉnh	142	142		

**Ghi chú:**

- Danh sách các xã đầu tư Chương trình 135 giai đoạn 2 thực hiện theo Quyết định số 164/2006/QĐ-TTg ngày 11/7/2006 và Quyết định số 69/2008/QĐ-TTg ngày 28/5/2008 của Thủ tướng Chính phủ;

- Danh sách các thôn đầu tư Chương trình 135 giai đoạn 2 thực hiện theo Quyết định số 01/2008/QĐ-UBND ngày 11/01/2008 của Ủy ban Dân tộc.



TT	Nguồn vốn	Tổng số KH	Quản lý chung	Các huyện thị	Hải Lăng	TX Quảng Trị	Triệu Phong	TX Đông Hà	Cam Lộ	Đakrông	Hương Hóa	Gio Linh	Vĩnh Linh	Cồn Cỏ
	- Hạ tầng du lịch	22.000	1.700	20.300	5.000	0	200	0	0	0	0	3.700	11.400	0
	- Đơn vị hành chính mới chia tách	20.000	0	20.000	0	2.800	4.200	0	0	0	0	500	0	12.500
	- Chương trình PTNT thủy sản và giống thủy sản, giống cây trồng vật nuôi, cây lâm nghiệp	15.000	15.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	- Chương trình bố trí lại dân cư và định canh định cư	12.000	0	12.000	1.000	0	1.000	0	0	2.500	5.500	1.000	0	1.000
	- Chương trình đê biển, trú tránh bão	15.000	0	15.000	0	0	6.000	0	0	0	0	0	9.000	0
	- Chương trình quản lý biên giới	9.000	0	9.000	0	0	0	0	0	0	9.000	0	0	0
	- Chương trình Biển Đông- Hải đảo	33.000	33.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	- Đầu tư y tế tỉnh, trung tâm y tế dự phòng huyện	10.000	135	9.865	0	0	0	9.865	0	0	0	0	0	0
	- Hỗ trợ bảo tồn văn hóa	25.000	0	25.000	500	2.000	400	8.100	0	0	12.000	2.000	0	0
	- Hỗ trợ đầu tư trụ sở xã	4.000	0	4.000	750	0	500	1.000	1.000	0	0	0	750	0
	- Đầu tư theo Quyết định 160	8.000	0	8.000	0	0	0	0	0	2.500	5.500	0	0	0
	- Đầu tư theo Nghị định 39 của Bộ Chính trị	50.000	3.000	47.000	4.400	400	1.800	30.235	2.300	1.365	0	1.000	5.500	0
	- Hạ tầng Khu Công nghiệp	14.000	0	14.000	0	0	0	9.000	0	0	0	5.000	0	0
	- Đối ứng ODA	37.000	1.000	36.000	11.450	600	1.200	0	2.550	7.000	5.500	2.500	5.200	0
	- Trung tâm cụm xã	3.000	0	3.000	0	0	0	0	0	2.000	1.000	0	0	0
	- Đề án Tin học hóa các cơ quan Đảng (Đề án 06)	2.782	2.782	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	- Hỗ trợ khác	90.000	0	90.000	2.400	0	28.686	25.000	1.714	3.429	2.743	25.686	343	0
<b>III</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ CÁC DỰ ÁN LỚN</b>	<b>133.371</b>	<b>43.313</b>	<b>90.058</b>	<b>7.046</b>	<b>3.327</b>	<b>6.615</b>	<b>10.680</b>	<b>2.744</b>	<b>16.658</b>	<b>19.079</b>	<b>13.282</b>	<b>10.529</b>	<b>100</b>

TT	Nguồn vốn	Tổng số KH	Quản lý chung	Các huyện thị	Hải Lăng	TX Quảng Trị	Triệu Phong	TX Đông Hà	Cam Lộ	Đakrông	Hương Hóa	Gio Linh	Vĩnh Linh	Cồn Cỏ
<b>1</b>	<b>Các chương trình MTQG</b>	<b>93.415</b>	<b>41.592</b>	<b>51.823</b>	<b>5.600</b>	<b>3.000</b>	<b>5.400</b>	<b>10.280</b>	<b>1.850</b>	<b>4.200</b>	<b>5.050</b>	<b>9.953</b>	<b>6.390</b>	<b>100</b>
	- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo	12.282	2.582	9.700	1.600	0	2.400	0	0	0	0	2.400	3.200	100
	- Chương trình mục tiêu quốc gia việc làm	2.330	330	2.000	0	0	0	2.000	0	0	0	0	0	0
	- Chương trình phòng, chống ma túy	1.000	1.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	- Chương trình phòng, chống tội phạm	670	670	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	- Chương trình Dân số- KHHGD	6.444	6.444	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	- Chương trình phòng, chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS	4.776	3.776	1.000	0	0	0	1.000	0	0	0	0	0	0
	- Chương trình văn hóa	5.100	1.500	3.600	6.00	0	0	0	0	0	0	3.000	0	0
	- Chương trình vệ sinh an toàn thực phẩm	943	943	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	- Chương trình nước sinh hoạt và VS.MTNT	7.200	527	6.673	2.000	0	1.00	30	950	0	0	3.003	590	0
	- Chương trình Giáo dục- Đào tạo	52.670	23.820	28.850	1.400	3.000	2.900	7.250	900	4.200	5.050	1.550	2.600	0
<b>2</b>	<b>Chương trình 135</b>	<b>24.671</b>	<b>1.579</b>	<b>23.092</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>400</b>	<b>180</b>	<b>8.593</b>	<b>12.435</b>	<b>442</b>	<b>1.442</b>	<b>0</b>
<b>3</b>	<b>Trồng mới 5 triệu ha rừng</b>	<b>15.285</b>	<b>142</b>	<b>15.143</b>	<b>1.446</b>	<b>327</b>	<b>1.215</b>	<b>327</b>	<b>714</b>	<b>3.865</b>	<b>1.594</b>	<b>2.887</b>	<b>2.697</b>	<b>0</b>

**Biểu 5:****CƠ CẤU VỐN BỐ TRÍ CHO CÁC NGÀNH- KẾ HOẠCH NĂM 2009***(Kèm theo Nghị quyết số 22/2009/NQ-HĐND ngày 12/12/2008 của HĐND tỉnh)***Tổng vốn đầu tư XDCB do địa phương quản lý: 897.153 triệu đồng****Trong đó:****1. Số vốn chưa phân bổ: 106.513 triệu đồng**

- Chuẩn bị đầu tư: 2.500 triệu đồng
- Công trình đã quyết toán: 3.000 triệu đồng
- Chương trình BD-HĐ (Giao sau): 33.000 triệu đồng
- Phân cấp huyện, thị xã quản lý: 68.013 triệu đồng

**2. Phân bổ các ngành: 790.640 triệu đồng**

TT	Ngành	Kế hoạch 2009 (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>605.640</b>	<b>76,60</b>	
1	Công nghiệp- Thương mại	65.900	8,34	
2	Nông- Lâm nghiệp, Thủy sản và Phát triển nông thôn	155.455	19,66	
3	Giao thông	120.855	15,29	
4	Khoa học- Công nghệ	2.600	0,33	
5	Y tế, Dân số và Kế hoạch hóa gia đình	25.163	3,18	
6	Giáo dục - Đào tạo	65.320	8,26	
7	Văn hóa- Thể thao- Du lịch và Thông tin truyền thông	84.812	10,73	
8	Xây dựng (Cấp nước, vệ sinh môi trường, công cộng)	37.440	4,74	
9	An ninh- Quốc phòng	21.670	2,74	
10	Quản lý nhà nước	26.425	3,34	